

Số 1377/QĐ-ĐHTN

Đắk Lắk, ngày 13 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận và cấp bằng tốt nghiệp Đại học
hệ Chính quy cho sinh viên**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Căn cứ Quyết định số 298/CP ngày 11 tháng 11 năm 1977 của Hội đồng chính phủ về việc thành lập trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007; Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 về việc sửa đổi bổ sung Quy chế đào tạo Đại học, Cao đẳng theo hệ thống tín chỉ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1676/QĐ-ĐHTN-ĐTĐH ngày 19/8/2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ biên bản họp xét công nhận tốt nghiệp của hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp sinh viên ngày 09/7/2021;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Đại học; Trưởng các Khoa.

QUYẾT ĐỊNH:

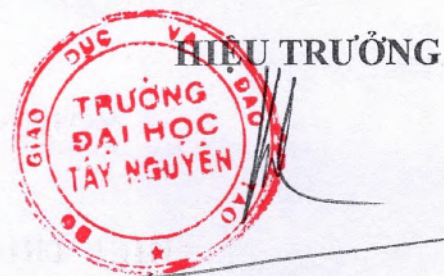
Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp Đại học hệ Chính quy năm 2021 cho 165 sinh viên như sau:

- Khoa Y dược 5 sinh viên (Phụ lục I);
- Khoa Nông lâm nghiệp 37 sinh viên (Phụ lục II);
- Khoa Kinh tế 4 sinh viên (Phụ lục III);
- Khoa Sư phạm 63 sinh viên (Phụ lục IV);
- Khoa Lý luận chính trị 5 sinh viên (Phụ lục V);
- Khoa Ngoại ngữ 5 sinh viên (Phụ lục VI);
- Khoa Chăn nuôi - Thú y 6 sinh viên (Phụ lục VII);
- Khoa Khoa học Tự nhiên và Công nghệ 40 sinh viên (Phụ lục VIII).

Điều 2. Trường phòng Đào tạo Đại học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng (để b/c);
- Các khoa Y dược, Nông lâm nghiệp, Kinh tế, Sư phạm, Lý luận chính trị, Ngoại ngữ, Chăn nuôi - Thú y, Khoa học Tự nhiên và Công nghệ;
- Phòng Công tác sinh viên;
- Phòng Quản lý chất lượng (Lưu hồ sơ kiểm định);
- Trung tâm thông tin (đăng website);
- Lưu: VT, ĐTĐH (06b).



TS. Nguyễn Thanh Lữ

Phụ lục I
DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY THUỘC KHOA
Y DƯỢC ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
(Kèm theo Quyết định số: 1377/QĐ-ĐHTN ngày 13 tháng 7 năm 2021
của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên)

1. Bảng Bác sĩ Y khoa

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nam (Nữ)	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
Khóa 2013							
1	13307273	Y Nhật Niê Kdăm	30/12/1994	Nam	2,06	Trung bình	
Khóa 2014							
1	14307004	Lê Hùng Anh	28/01/1995	Nam	2,73	Khá	
2	14307091	Đình Doãn Hải	26/3/1996	Nam	2,29	Trung bình	
3	14307422	H Yên Êban	05/5/1995	Nữ	2,14	Trung bình	

(Tổng 4 sinh viên)

2. Bảng Cử nhân ngành Điều dưỡng

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nam (Nữ)	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
Khóa 2016							
1	16309074	Triệu Thị Hòa	29/9/1997	Nữ	2,45	Trung bình	

(Tổng 1 sinh viên)

Tổng cộng: 5 sinh viên Dal

Phụ lục II
DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY THUỘC KHOA
NÔNG LÂM NGHIỆP ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
 (Kèm theo Quyết định số: *13/TT* /QĐ-ĐHTN ngày *13* tháng *7* năm 2021
 của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên)



1. Bảng Kỹ sư ngành Công nghệ sau thu hoạch

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nam (Nữ)	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
Khóa 2014							
1	14405037	Nguyễn Mỹ Ngọc	03/02/1996	Nữ	2,14	Trung bình	
Khóa 2017							
1	17405003	Hoàng Văn Công	28/10/1998	Nam	3,10	Khá	

(Tổng 2 sinh viên)

2. Bảng Kỹ sư ngành Khoa học cây trồng

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nam (Nữ)	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
Khóa 2015							
1	15303001	Hồ Việt Anh	13/5/1997	Nam	2,58	Khá	
Khóa 2016							
1	16303046	Trịnh Xuân Thuận	09/5/1998	Nam	2,36	Trung bình	
Khóa 2017							
1	17303003	Hoàng Thái Bảo	04/3/1999	Nam	2,76	Khá	
2	17303006	Y Thuel BKrông	11/01/1999	Nam	2,98	Khá	
3	17303010	Nguyễn Bùi Thanh Hằng	09/10/1998	Nữ	3,10	Khá	
4	17303018	Lê Thị Minh Huyền	07/6/1998	Nữ	3,38	Giỏi	
5	17303023	Nguyễn Thị Mỹ Hà Lan	17/11/1999	Nữ	3,35	Giỏi	
6	17303032	Nguyễn Phan Sơn Nữ	14/01/1999	Nữ	2,80	Khá	
7	17303044	Huỳnh Thị Anh Thư	08/8/1999	Nữ	2,80	Khá	
8	17303051	Lê Quang Đạo	10/3/1999	Nam	2,88	Khá	

(Tổng 10 sinh viên)

3. Bảng Kỹ sư ngành Bảo vệ thực vật

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nam (Nữ)	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
Khóa 2013							
1	13302012	Mạnh Sơn Hải	12/4/1995	Nam	2,24	Trung bình	
2	13302078	Nguyễn Tuấn Vũ	15/3/1994	Nam	2,15	Trung bình	
Khóa 2015							
1	15302055	Nguyễn Ngọc Thắng	12/7/1997	Nam	2,17	Trung bình	
2	15302068	Triệu Thị Tuyết	22/9/1996	Nữ	2,92	Khá	
Khóa 2017							

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nam (Nữ)	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	16302055	Nguyễn Thế Phương	08/9/1997	Nam	2,89	Khá	
2	17302009	K' Đỏi	06/11/1999	Nam	2,99	Khá	
3	17302013	Nguyễn Thị Hà	11/8/1999	Nữ	2,86	Khá	
4	17302021	Nông Đức Hòa	01/6/1997	Nam	2,56	Khá	
5	17302024	Hồ Nguyễn Song Hương	27/9/1999	Nữ	3,09	Khá	
6	17302029	Lê Thị Linh	10/02/1999	Nữ	3,32	Giỏi	
7	17302042	Cao Hoài Nhân	20/10/1997	Nam	2,54	Khá	
8	17302046	Phan Phúc Phú	10/10/1998	Nam	2,74	Khá	
9	17302048	Nguyễn Xuân Phúc	12/01/1998	Nam	2,32	Trung bình	
10	17302068	Võ Vinh Vũ	19/01/1999	Nam	2,72	Khá	
11	17302074	Nguyễn Như Trung	01/01/1999	Nam	2,49	Trung bình	

(Tổng 15 sinh viên)

4. Bảng Kỹ sư ngành Lâm sinh

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nam (Nữ)	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
Khóa 2014							
1	14306042	Nguyễn Hoàng Phúc	01/02/1996	Nam	2,02	Trung bình	
2	14306050	Trần Đức Thao	15/4/1996	Nam	2,02	Trung bình	

(Tổng 2 sinh viên)

5. Bảng Kỹ sư ngành Quản lý đất đai

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nam (Nữ)	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
Khóa 2015							
1	15404075	Bùi Lê Cao Trí	20/12/1996	Nam	2,12	Trung bình	
Khóa 2016							
1	16404025	Nguyễn Văn Hoàng	10/02/1997	Nam	2,30	Trung bình	
2	16404065	Phạm Minh Thư	04/10/1998	Nữ	2,43	Trung bình	
3	16404066	Nguyễn Thị Hà Tiên	18/11/1998	Nữ	2,53	Khá	
4	16404070	Nguyễn Thị Tú Trinh	05/7/1998	Nữ	2,45	Trung bình	
5	16404089	Nguyễn Thị Như Thảo	05/5/1998	Nữ	2,27	Trung bình	
Khóa 2017							
1	17404007	Hoàng Thị Thanh Huyền	30/4/1999	Nữ	3,01	Khá	
2	17404021	Trần Thị Bích Ngọc	17/8/1999	Nữ	2,91	Khá	

(Tổng 8 sinh viên)

Tổng cộng: 37 sinh viên *pd*



Phụ lục III

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY THUỘC KHOA KINH TẾ ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Kèm theo Quyết định số: 13 FF /QĐ-ĐHTN ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên)

I. Bảng Cử nhân ngành Quản trị kinh doanh

1. Chuyên ngành Quản trị kinh doanh

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nam (Nữ)	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
Khóa 2013							
1	13402100	Nguyễn Thị Nga	14/4/1995	Nữ	2,56	Khá	

(Tổng 1 sinh viên)

2. Chuyên ngành Quản trị kinh doanh thương mại

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nam (Nữ)	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
Khóa 2015							
1	15402160	Nguyễn Thị Thanh Thủy	10/10/1997	Nữ	2,13	Trung bình	

(Tổng 1 sinh viên)

II. Bảng Cử nhân ngành Tài chính - Ngân hàng

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nam (Nữ)	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
Khóa 2016							
1	16406067	Nguyễn Thu Uyên	14/11/1998	Nữ	2,44	Trung bình	

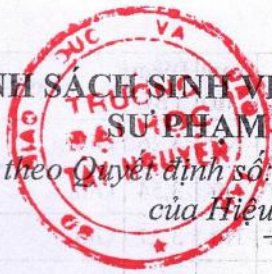
(Tổng 1 sinh viên)

III. Bảng Cử nhân ngành Kế toán

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nam (Nữ)	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
Khóa 2013							
1	13403105	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	03/7/1995	Nữ	2,02	Trung bình	

(Tổng 1 sinh viên)

Tổng cộng: 4 sinh viên Dal



Phụ lục IV

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY THUỘC KHOA SƯ PHẠM ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Kèm theo Quyết định số 1377 /QĐ-ĐHTN ngày 13 tháng 7 năm 2021
của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên)

I. Bảng Cử nhân ngành Giáo dục Mầm non

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nam (Nữ)	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
Khóa 2017							
1	17903003	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	05/8/1999	Nữ	3,34	Giỏi	
2	17903005	H' Neo Êban	12/11/1999	Nữ	3,28	Giỏi	
3	17903008	Nguyễn Thị Thảo Hiền	03/02/1998	Nữ	3,21	Giỏi	
4	17903009	Lê Khánh Huyền	30/10/1999	Nữ	2,89	Khá	
5	17903011	Trần Thị Hương	16/6/1997	Nữ	3,36	Giỏi	
6	17903013	H Thủy Ksor	14/3/1998	Nữ	3,28	Giỏi	
7	17903015	Lê Thị Lành	20/11/1999	Nữ	3,17	Khá	
8	17903016	Trịnh Thị Hải Linh	07/02/1999	Nữ	3,13	Khá	
9	17903020	Lương Thị Hoài Mỹ	05/7/1999	Nữ	2,93	Khá	
10	17903021	Phan Thị Na	19/02/1999	Nữ	3,09	Khá	
11	17903022	Lê Thị Mỹ Ngọc	26/3/1999	Nữ	3,38	Giỏi	
12	17903023	H Hoa Nhom	01/5/1998	Nữ	3,23	Giỏi	
13	17903024	Trần Thị Nhung	25/3/1998	Nữ	3,08	Khá	
14	17903026	H' Dê Niê	20/4/1999	Nữ	3,22	Giỏi	
15	17903029	Nguyễn Thủy Bích Phương	18/12/1999	Nữ	3,45	Giỏi	
16	17903030	Phan Hoàng Như Quỳnh	25/01/1999	Nữ	3,48	Giỏi	
17	17903036	Nguyễn Thị Cẩm Trang	03/10/1999	Nữ	2,73	Khá	
18	17903038	Nguyễn Tuyết Trinh	23/7/1999	Nữ	3,10	Khá	
19	17903039	H' Vinh	02/9/1999	Nữ	3,62	Xuất sắc	

(Tổng 19 sinh viên)

II. Bảng Cử nhân ngành Giáo dục Tiểu học

1. Chuyên ngành Giáo dục Tiểu học

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nam (Nữ)	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
Khóa 2017							
1	17901001	Lê Thị Phương Anh	30/5/1999	Nữ	2,56	Khá	
2	17901002	Ksor H' Bích	19/02/1999	Nữ	3,33	Giỏi	
3	17901003	Ma Cẩm	14/9/1999	Nữ	3,53	Giỏi	
4	17901006	H Rê Long Dĩnh	12/5/1998	Nữ	3,03	Khá	
5	17901007	Hoàng Văn Đạo	04/6/1999	Nam	2,92	Khá	
6	17901008	Trần Thị Thu Hào	04/8/1999	Nữ	2,63	Khá	

TT	Ma SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nam (N)	Nữ (N)	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
----	-------	-----------	-----------	---------	--------	----------	----------	---------

III. Bảng Cử nhân ngành Giáo dục Thể chất
(Tổng 14 sinh viên)

TT	Ma SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nam (N)	Nữ (N)	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	17902002	Puith Ber	06/3/1999	Nữ		3,08	Khá	
2	17902007	H' Thur Eban	13/01/1997	Nữ		3,24	Giỏi	
3	17902013	Puith H' Lê	13/3/1999	Nữ		3,04	Khá	
4	17902014	Puith H' Yath	25/02/1999	Nữ		2,91	Khá	
5	17902020	Puith H' Liêm	13/4/1999	Nữ		2,59	Khá	
6	17902022	Rơ Châm H' Lúch	23/10/1999	Nữ		3,40	Giỏi	
7	17902023	Trần Thị Kim Ly	14/10/1999	Nữ		3,67	Xuất sắc	
8	17902026	Rah Lan Mên	24/4/1999	Nữ		2,71	Khá	
9	17902027	Trần Nguyễn Thảo Nguyễn	21/12/1999	Nữ		3,35	Giỏi	
10	17902030	Rơ Châm Sâm	05/01/1998	Nữ		3,01	Khá	
11	17902037	Vũ Thị Hoài Thương	10/02/1999	Nữ		3,22	Giỏi	
12	17902038	Nay H' Tou	12/5/1999	Nữ		2,89	Khá	
13	17902039	K' Sor H' Xinh	28/8/1999	Nữ		2,98	Khá	
Khóa 2017								
1	13902049	Hồ Thị Thu Hà	10/02/1994	Nữ		2,37	Trung bình	
Khóa 2013								
TT	Ma SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nam (N)	Nữ (N)	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú

2. Chuyên ngành Giáo dục Tiểu học - Tiếng Jrai
(Tổng 19 sinh viên)

TT	Ma SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nam (N)	Nữ (N)	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
7	17901009	Ka' Hánh	01/7/1999	Nữ		3,26	Giỏi	
8	17901011	Hoàng Thị Thái Hậu	01/01/1997	Nữ		3,54	Giỏi	
9	17901012	K' Sor H' Hianh	27/10/1998	Nữ		3,27	Giỏi	
10	17901014	Ka Hiệp	18/3/1998	Nữ		3,03	Khá	
11	17901019	Ksor H' Hương	18/7/1999	Nữ		3,25	Giỏi	
12	17901023	Long Thị Mây	01/02/1998	Nữ		2,93	Khá	
13	17901024	H' Loanh Mì	20/8/1998	Nữ		3,16	Khá	
14	17901028	Bùi Thủy Nga	05/10/1999	Nữ		3,06	Khá	
15	17901031	Liêng Trang La Nuy	10/6/1999	Nữ		2,78	Khá	
16	17901034	Nguyễn Trí Thông	16/4/1999	Nam		2,58	Khá	
17	17901035	Vũ Huyền Thương	29/11/1998	Nữ		3,16	Khá	
18	17901038	Nguyễn Thị Anh Tuyết	20/12/1999	Nữ		3,53	Giỏi	
19	17901039	Ngô Bích Vân	21/10/1999	Nữ		3,71	Xuất sắc	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nam (Nữ)	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	15605009	Phạm Trần Duy Quý	15/9/1997	Nam	2,39	Trung bình	
Khóa 2017							
1	17605016	Rơ Ông K' Soi	13/02/1998	Nữ	3,17	Khá	
2	17605021	Y Nguyễn Êban	19/4/1998	Nam	2,78	Khá	

(Tổng 3 sinh viên)

IV. Bảng Cử nhân ngành Sư phạm Ngữ văn

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nam (Nữ)	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
Khóa 2017							
1	17601001	Lê Thị Quỳnh An	02/8/1999	Nữ	2,85	Khá	
2	17601004	Trần Trịnh Hồng Anh	04/11/1999	Nữ	3,06	Khá	
3	17601022	Báo Thị Út Mến	08/9/1999	Nữ	3,35	Giỏi	
4	17601027	Vũ Thị Cẩm Nhi	10/9/1999	Nữ	2,98	Khá	
5	17601028	Nguyễn Thị Quỳnh Như	04/7/1998	Nữ	2,83	Khá	

(Tổng 5 sinh viên)

V. Bảng Cử nhân ngành Văn học

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nam (Nữ)	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
Khóa 2017							
1	17606030	H' Luin Kmăn	02/10/1999	Nữ	3,04	Khá	
2	17606045	Ksor H' Nhuir	30/4/1996	Nữ	2,94	Khá	
3	17606065	H' Nhat Buôn Yă	01/3/1999	Nữ	3,52	Giỏi	

(Tổng 3 sinh viên)

Tổng cộng: 63 sinh viên *Đd*



Phụ lục V

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY THUỘC KHOA ĐẠI LUẬN CHÍNH TRỊ ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Kèm theo Quyết định số: 1377 /QĐ-ĐHTN ngày 13 tháng 7 năm 2021
của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên)

1. Bảng Cử nhân ngành Giáo dục Chính trị

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nam (Nữ)	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
Khóa 2017							
1	17604007	H Trinh Byă	28/6/1999	Nữ	3,09	Khá	
2	17604009	Ma Chín	14/4/1999	Nữ	3,41	Giỏi	
3	17604016	H Lĩc Êban	17/3/1998	Nữ	3,38	Giỏi	
4	17604036	Rơ Ông Ha - Thóng	26/4/1999	Nam	3,13	Khá	

(Tổng 4 sinh viên)

2. Bảng Cử nhân ngành Triết học

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nam (Nữ)	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
Khóa 2015							
1	15608011	Nguyễn Minh Hằng	09/12/1997	Nữ	2,36	Trung bình	

(Tổng 1 sinh viên)

Tổng cộng: 5 sinh viên Dal



Phụ lục VI

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY THUỘC KHOA NGOẠI NGỮ ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Kèm theo Quyết định số: 1377 /QĐ-ĐHTN ngày 13 tháng 7 năm 2021
của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên)

1. Bảng Cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nam (Nữ)	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
Khóa 2015							
1	15702021	Phạm Thị Thu Hằng	03/5/1997	Nữ	2,16	Trung bình	
Khóa 2016							
1	16702066	Lê Nguyễn Huyền Trang	11/4/1998	Nữ	2,16	Trung bình	
2	16702068	Lê Trần Thanh Trâm	23/4/1998	Nữ	2,55	Khá	
3	16702074	Lâm Yến Vi	18/8/1998	Nữ	2,34	Trung bình	
4	16702078	Phạm Thị Ngọc Ý	09/6/1998	Nữ	2,45	Trung bình	

(Tổng 5 sinh viên)

Tổng cộng: 5 sinh viên *Dal*

Phụ lục VII
DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY THUỘC KHOA
CHĂN NUÔI - THÚ Y ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
 (Kèm theo Quyết định số: 1377/QĐ-ĐHTN ngày 13 tháng 7 năm 2021
 của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên)

I. Bảng Kỹ sư ngành Chăn nuôi

1. Chuyên ngành Chăn nuôi - Thú y

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nam (Nữ)	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
Khóa 2013							
1	13304126	Nguyễn Tài Thắng	29/8/1995	Nam	2,42	Trung bình	
Khóa 2015							
1	15304010	Đặng Anh Đài	04/10/1997	Nữ	2,07	Trung bình	
2	15304078	Riêu Thị Nguyệt	01/5/1996	Nữ	2,22	Trung bình	
Khóa 2016							
1	16304014	Dương Quang Đức	19/11/1998	Nam	2,21	Trung bình	

(Tổng 4 sinh viên)

II. Bảng Bác sĩ Thú y

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nam (Nữ)	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
Khóa 2014							
1	14305107	Bùi Thị Thùy Trang	14/9/1996	Nữ	2,04	Trung bình	
Khóa 2015							
1	15305021	Nông Thị Bích Hợp	09/8/1997	Nữ	2,41	Trung bình	

(Tổng 2 sinh viên)

Tổng cộng: 6 sinh viên *Dal*

Phụ lục VIII

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY THUỘC KHOA KHOA HOCTU NHIEN VÀ CÔNG NGHỆ ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Kèm theo Quyết định số: 1377/QĐ-ĐHTN ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên)

1. Bảng Cử nhân ngành Sư phạm Toán học

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nam (Nữ)	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
Khóa 2017							
1	17101003	Trần Lan Anh	14/10/1999	Nữ	2,78	Khá	
2	17101005	Nguyễn Thị Thanh Bình	25/01/1999	Nữ	3,00	Khá	
3	17101006	H' Kaly B.yă	28/4/1999	Nữ	2,57	Khá	
4	17101021	Hoàng Lim	03/12/1999	Nam	3,14	Khá	
5	17101022	Ngô Thuỳ Khánh Ly	23/5/1999	Nữ	3,20	Giỏi	
6	17101023	Hoàng Trọng Nam	04/7/1998	Nam	2,73	Khá	
7	17101024	Nguyễn Thị Hồng Nga	19/9/1999	Nữ	3,33	Giỏi	
8	17101027	Đinh Thị Thanh Tâm	02/6/1998	Nữ	3,33	Giỏi	
9	17101029	Võ Thị Phương Thảo	10/4/1999	Nữ	2,88	Khá	
10	17101030	Nguyễn Lê Phương Thủy	11/11/1997	Nữ	2,96	Khá	
11	17101031	Đỗ Linh Thùy	06/8/1999	Nữ	3,43	Giỏi	
12	17101035	Trần Thị Thu Trang	17/01/1997	Nữ	2,72	Khá	
13	17101036	Nguyễn Thị Trâm	03/9/1999	Nữ	3,21	Giỏi	

(Tổng 13 sinh viên)

2. Bảng Cử nhân ngành Sư phạm Vật lý

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nam (Nữ)	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
Khóa 2013							
1	13102012	Ksor Giáo	20/7/1995	Nam	2,73	Khá	
2	13102020	Nguyễn Trần Minh Hiền	01/5/1995	Nam	2,63	Khá	
Khóa 2014							
1	14102011	Hồ Viết Hải	04/7/1996	Nam	2,64	Khá	
Khóa 2015							
1	14102020	Trần Yến Khoa	23/11/1996	Nữ	2,45	Trung bình	
2	15102014	Đỗ Minh Huynh	20/10/1997	Nam	2,21	Trung bình	
Khóa 2017							
1	17102001	Lâm Nhật Mỹ Duyên	29/4/1999	Nữ	2,95	Khá	
2	17102009	Trịnh Lê Mỹ	05/5/1999	Nữ	2,84	Khá	
3	17102016	Khăm Trần Anh Quân	26/3/1999	Nam	2,50	Khá	
4	17102023	Nguyễn Cẩm Trang	17/5/1999	Nữ	3,25	Khá	Thi lại quá 5%
5	17102035	Nguyễn Trung Việt	20/6/1999	Nam	3,06	Khá	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nam (Nữ)	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
----	-------	-----------	-----------	-------------	-------------	----------	---------

(Tổng 10 sinh viên)

3. Bảng Cử nhân ngành Sư phạm Hóa học

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nam (Nữ)	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
Khóa 2016							
1	16104029	Hoàng Nhân Phúc	18/10/1998	Nam	2,24	Trung bình	
2	16104050	Trịnh Phi Long	12/7/1997	Nam	2,18	Trung bình	
Khóa 2017							
1	17104020	Nguyễn Thị Thu Phương	13/12/1999	Nữ	3,29	Giỏi	
2	17104023	Nguyễn Thị Diệu Thúy	27/3/1999	Nữ	3,46	Giỏi	
3	17104026	Trần Thị Trang	30/01/1999	Nữ	3,47	Giỏi	
4	17104041	Nguyễn Thị Ái Như	26/3/1999	Nữ	3,15	Khá	
5	17104044	Đỗ Thị Hà Phương	18/11/1999	Nữ	3,12	Khá	

(Tổng 7 sinh viên)

4. Bảng Cử nhân ngành Sư phạm Sinh học

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nam (Nữ)	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
Khóa 2013							
1	13301047	Nguyễn Thị Quyên	20/6/1995	Nữ	2,55	Khá	
Khóa 2017							
1	17301005	H' Hiếu Du	17/02/1998	Nữ	3,03	Khá	
2	17301016	Vương Thị Mỹ Phương	04/11/1999	Nữ	2,90	Khá	
3	17301025	Nguyễn Thị Kiêm Thanh	12/02/1999	Nữ	2,74	Khá	

(Tổng 4 sinh viên)

5. Bảng Cử nhân ngành Công nghệ sinh học

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nam (Nữ)	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
Khóa 2015							
1	15313039	Hồ Thị Mận	28/8/1997	Nữ	2,28	Trung bình	
2	15313057	Phạm Ngân Quỳnh	27/6/1997	Nữ	2,83	Khá	

(Tổng 2 sinh viên)

6. Bảng Cử nhân ngành Công nghệ thông tin

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nam (Nữ)	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
Khóa 2016							
1	16103080	Trần Tấn Trọng	19/11/1998	Nam	2,18	Trung bình	

(Tổng 1 sinh viên)

7. Bảng Kỹ sư ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nam (Nữ)	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
Khóa 2014							
1	14504034	Trịnh Xuân Hưng	25/12/1994	Nam	2,06	Trung bình	
Khóa 2015							
1	15504049	Phạm Nguyễn Thùy Oanh	20/3/1997	Nữ	2,25	Trung bình	
Khóa 2016							
1	16504017	Y Khuân Niê Kdăm	01/9/1997	Nam	2,40	Trung bình	

(Tổng 3 sinh viên)

Tổng cộng: 40 sinh viên *Đã*

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận và cấp bằng tốt nghiệp Đại học
hệ Vừa làm vừa học (Liên thông) cho sinh viên thuộc khoa Sư phạm**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Căn cứ Quyết định số 298/CP ngày 11 tháng 11 năm 1977 của Hội đồng chính phủ về việc thành lập trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Quy chế đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học ban hành kèm theo Quyết định số 06/2017/TT-BGDĐT ngày 15/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế học vụ đào tạo đại học hệ vừa làm vừa học theo học chế Tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1039/QĐ-ĐHTN-ĐTĐH ngày 05/6/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ biên bản họp xét công nhận tốt nghiệp của hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp sinh viên ngày 09/7/2021;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Đại học; Trưởng khoa Sư phạm.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp Đại học hệ Vừa làm vừa học (Liên thông) năm 2021 cho 3 sinh viên thuộc khoa Sư phạm (trong đó ngành Giáo dục Mầm non 3 sinh viên) có tên sau:

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nam (Nữ)	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
Bảng Cử nhân ngành Giáo dục Mầm non							
1	18903566	Lưu Phượng Nhung	13/5/1995	Nữ	2,58	Khá	
2	18903581	Đoàn Thị Xuyên	18/9/1991	Nữ	2,66	Khá	
3	18903594	Phạm Thị Phương	09/6/1994	Nữ	2,48	Trung bình	

Điều 2. Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng khoa Sư phạm, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng (để b/c);
- P. Công tác sinh viên;
- Trung tâm thông tin (đăng Website);
- Phòng Quản lý chất lượng (Lưu hồ sơ kiểm định);
- Lưu: VT, ĐTĐH (06b).



TS. Nguyễn Thanh Trúc

QUYẾT ĐỊNH

**VỀ VIỆC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC (LIÊN THÔNG) CHO SINH VIÊN THUỘC KHOA NÔNG LÂM NGHIỆP**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Căn cứ Quyết định số 298/CP ngày 11 tháng 11 năm 1977 của Hội đồng chính phủ về việc thành lập trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hình thức vừa làm vừa học ban hành kèm theo Quyết định số 36/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ biên bản họp xét công nhận tốt nghiệp của hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp sinh viên ngày 09/7/2021;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Đại học; Trưởng khoa Nông lâm nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp Đại học hệ Vừa làm vừa học (Liên thông) năm 2021 cho 1 sinh viên thuộc khoa Nông lâm nghiệp (trong đó ngành Khoa học cây trồng 1 sinh viên) có tên sau:

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nam (Nữ)	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
Bằng Kỹ sư ngành Khoa học cây trồng							
1	14303606	Cao Hoàng Anh	30/4/1990	Nam	7,15	Khá	

Điều 2. Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng khoa Nông lâm nghiệp, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng (để b/c);
- P. Công tác sinh viên;
- Trung tâm thông tin (đăng Website);
- Phòng Quản lý chất lượng (Lưu hồ sơ kiểm định);
- Lưu: VT, ĐTDH (06b).



TS. Nguyễn Thanh Truts

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận và cấp bằng tốt nghiệp Cao đẳng
hệ Chính quy cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Căn cứ Quyết định số 298/CP ngày 11 tháng 11 năm 1977 của Hội đồng chính phủ về việc thành lập trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007; Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 về việc sửa đổi bổ sung Quy chế đào tạo Đại học, Cao đẳng theo hệ thống tín chỉ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1676/QĐ-ĐHTN-ĐTĐH ngày 19/8/2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ biên bản họp xét công nhận tốt nghiệp của hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp sinh viên ngày 09/7/2021;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Đại học; Trưởng các Khoa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp Cao đẳng hệ Chính quy năm 2021 cho 6 sinh viên thuộc khoa Chăn nuôi - Thú y (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng (để b/c);
- Khoa Chăn nuôi - Thú y;
- Phòng Công tác sinh viên;
- Phòng Quản lý chất lượng (Lưu hồ sơ kiểm định);
- Trung tâm thông tin (đăng website);
- Lưu: VT, ĐTĐH (06b).



TS. Nguyễn Thanh Trúc

Phụ lục
DANH SÁCH SINH VIÊN CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY THUỘC KHOA
CHĂN NUÔI - THÚ Y ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
(Kèm theo Quyết định số: 1380 /QĐ-ĐHTN ngày 13 tháng 7 năm 2021
của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên)

I. Bảng Cao đẳng ngành Chăn nuôi

1. Chuyên ngành Chăn nuôi - Thú y

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nam (Nữ)	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
Khóa 2015							
1	15767022	Phạm Thị Loan	08/01/1996	Nữ	2,11	Trung bình	
2	15767024	Nông Văn Luân	14/11/1995	Nam	2,06	Trung bình	
Khóa 2016							
1	16767008	Hoàng Đức Công	13/5/1998	Nam	2,06	Trung bình	
2	16767039	Phạm Kim Khánh	07/6/1998	Nam	2,25	Trung bình	
3	16767053	Huỳnh Văn Quốc	27/5/1996	Nam	2,16	Trung bình	
4	16767058	Lê Văn Thuận	04/5/1994	Nam	2,18	Trung bình	

(Tổng 6 sinh viên)

Tổng cộng: 6 sinh viên *OK*